

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

NGUYỄN THỊ THU TRANG. *Bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng ở Việt Nam*

*Chuyên ngành: Văn hóa học*

*Mã số: 62310640*

Các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam do các bậc tiền nhân xây dựng, sáng tạo, gìn giữ và trao truyền cho các thế hệ sau rất đa dạng và có bề dày lịch sử. Trải qua chiến tranh, thiên tai và quá trình đô thị hóa, kho tàng di sản văn hóa (DSVH) có nguy cơ bị hủy hoại; hơn nữa, do thiếu sự phối hợp liên ngành cũng như nhận thức không đầy đủ trong quá trình nghiên cứu quản lý, đầu tư bảo vệ và phát huy khiến nhiều DSVH phi vật thể bị mai một, có nguy cơ biến mất. Trước đây, hầu hết các công trình nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu các DSVH phi vật thể mà chưa quan tâm tới chủ thể di sản - những cá nhân, cộng đồng sáng tạo, lưu giữ, thực hành và trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Bên cạnh đó, vai trò của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy DSVH phi vật thể ở Việt Nam còn hạn chế. Vì vậy, đề tài “Bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng ở Việt Nam” là hướng tiếp cận hiệu quả, thiết thực trong vấn đề bảo vệ DSVH phi vật thể dựa vào lực lượng sáng tạo, sở hữu, trao truyền và kế thừa di sản.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung chính của Luận án được trình bày trong 3 chương.

*Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận về bảo tàng hóa DSVH phi vật thể trong cộng đồng*

Bảo tàng hóa DSVH phi vật thể trong cộng đồng được Luận án quan niệm là hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị những DSVH phi vật thể của các cộng đồng ngay tại môi trường sinh thái-nhân văn nơi di sản được sáng tạo và tiếp tục lưu truyền, được thực hiện theo phương pháp bảo tàng học với sự tham gia trực tiếp của cộng đồng chủ thể DSVH. Bảo tàng sinh thái và bảo tàng cộng đồng là hình thức cụ thể của bảo tàng hóa DSVH phi vật thể thông qua sử dụng phương pháp bảo tàng học để bảo tồn, phát huy DSVH phi vật thể ngay tại cộng đồng, với sự tham gia và đồng thuận của cộng đồng.

Ba điển hình được tác giả lựa chọn để nghiên cứu trường hợp trong Luận án. Một là *không gian văn hóa công cộng Tây Nguyên* trải rộng suốt 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Điển tấu công cộng không chỉ là trình diễn những bản nhạc truyền thống, mà còn là thể loại âm nhạc gắn liền với nhiều sinh hoạt văn hóa cộng đồng ở Tây Nguyên. Hai là *hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc* do người dân ở nhiều làng xã thuộc Hà Nội tổ chức nhằm tưởng nhớ Thánh Gióng - một vị thần trong huyền thoại của người Việt có công đánh giặc ngoại xâm bảo vệ nước Việt cổ thời Hùng Vương thứ Sáu, cách đây khoảng 3.000 năm. Không gian của hội Gióng gắn với nơi sinh và hóa của Thánh Gióng ở phía Bắc sông Hồng, tiêu điểm là lễ hội đền Phù Đổng (huyện Gia Lâm) và đền Sóc (huyện Sóc Sơn). Ba là *nghe gốm làng cổ Phước Tích* thuộc xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, được hình thành vào khoảng thế kỷ XV. Nghề gốm hình thành và hưng thịnh

nơi đây do không có ruộng đất nông nghiệp mà ba mặt được bao bọc bởi dòng sông Ô Lâu. Sản phẩm gồm Phước Tích là những vật dụng không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt của người dân và đã bước từ dân gian vào đời sống cung đình với sản phẩm “Om Ngự” được vua quan nhà Nguyễn ưa chuộng.

*Chương 2: Thực tiễn hoạt động bảo tàng hóa DSVH phi vật thể trong cộng đồng*

Tác giả tiến hành nghiên cứu các hoạt động mang tính chất bảo tàng hóa DSVH phi vật thể ở 3 trường hợp điển hình đã lựa chọn trên cơ sở các mục đích chính của hoạt động bảo tàng hóa bao gồm: bảo vệ DSVH phi vật thể và sự đa dạng văn hóa; bảo vệ quyền con người/chủ thể văn hóa; bảo vệ môi trường sinh thái-nhân văn; phát huy giá trị DSVH phi vật thể; phát triển kinh tế-xã hội địa phương.

*- Đối với không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên*

Thời gian qua bảo tàng hóa di sản công chiêng đã được bắt đầu từ việc bảo tồn, tôn tạo các thiết chế văn hóa cộng đồng. Tuy không thể thay thế không gian sống thực của công chiêng với tư cách một thực thể gắn kết máu thịt, nhưng ít nhất những thiết chế văn hóa cộng đồng này đã góp phần tái tạo sức mạnh truyền thống để công chiêng tiếp tục được diễn xướng trong không gian của cộng đồng. Ở đây, việc bảo tàng hóa được thực hiện theo phương pháp bảo tồn thích ứng, bởi “không thể động viên người nông dân hò giã gạo trước máy xay xát, hò kéo gỗ trước chiếc xe kéo, hò mái đẩy trên chiếc thuyền máy”. Các nhà quản lý và nghiên cứu, với sự hỗ trợ, hợp tác của cộng đồng, đã sưu tầm, tư liệu hóa để lưu giữ những thực hành của công chiêng trong lễ ăn trâu, lễ bỏ mả, lễ cúng bến nước, tục

mừng thọ, tục thổi tai, tục cúng các thần... Công cụ để thực hành, trình diễn công chiêng cũng được xem như một đối tượng quan trọng để bảo tàng hóa. Công tác sưu tầm, kiểm kê được thực hiện song song với việc vận động đồng bào giữ lại những bộ công chiêng và các đồ vật, công cụ hay đồ tạo tác liên quan.

Các nhà quản lý và nghiên cứu văn hóa đã cùng cộng đồng thành lập những đội công chiêng dân gian của các dân tộc và của từng đơn vị hành chính. Hiện nay, hầu hết các buôn làng của các tỉnh Tây Nguyên đều có câu lạc bộ, đội công chiêng phục vụ nhu cầu sinh hoạt, tín ngưỡng cộng đồng và tham gia trình diễn giao lưu trong và ngoài vùng. Tại cộng đồng dân tộc M'Nông tỉnh Đắk Nông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông đã cùng cộng đồng tổ chức nhiều hoạt động như liên hoan văn hóa công chiêng, hội diễn nghệ thuật quần chúng, liên hoan dân ca và nhạc cụ dân tộc, ngày hội văn hóa các dân tộc, chế tác nhạc cụ, sáng tác âm nhạc, dàn dựng các chương trình nghệ thuật, mở các lớp dạy sử dụng công chiêng, tổ chức hội thi công chiêng của thanh niên... Việc truyền dạy công chiêng ở Tây Nguyên còn được thực hiện chính thức trong các trường nghệ thuật các tỉnh và truyền dạy không chính thức tại các trung tâm văn hóa. Các bài chiêng có kỹ thuật cao, đặc biệt là các bài chiêng đang có nguy cơ bị thất truyền, được tập trung truyền dạy.

Mặc dù vậy, công chiêng và không gian văn hóa công chiêng vẫn chưa được đầu tư bài bản để trở thành một “sản phẩm văn hóa” bên cạnh những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của di sản này.

*- Đối với hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc*

Không gian hội Gióng không chỉ bó hẹp ở những DSVH vật thể và phi vật thể liên quan trực tiếp đến hội Gióng mà còn bao gồm nhiều di sản khác nằm trong mỗi địa phương: từ tập tục, nghi lễ, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống đến kết cấu không gian làng, nhà cửa hay các kiến trúc vật thể có giá trị khác trong không gian ấy. Thời gian qua, các nhà quản lý và nghiên cứu văn hóa cũng như cộng đồng địa phương đã và đang nỗ lực đánh giá đúng giá trị của các di sản khác để kết nối chúng với di sản hội Gióng.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Hà Nội đã phối hợp với Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam cùng cộng đồng tổ chức kiểm kê di sản, biên soạn tài liệu (tờ rơi, sách, đĩa CD...) phục vụ công tác giới thiệu, quảng bá về di sản hội Gióng. Ngoài việc trực tiếp thực hành lễ hội, cộng đồng cũng tham gia cùng chính quyền địa phương tổ chức truyền dạy các khía cạnh liên quan tới di sản hội Gióng như mở lớp dạy múa Ải lao ở làng Hội Xá (Phúc Lợi, Long Biên). Hai di tích đền Phù Đổng và đền Sóc đã được xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt là dấu ấn quan trọng nhằm phát huy giá trị của hội Gióng.

Di tích đền Phù Đổng đã trở thành điểm đến tâm linh của cộng đồng cư dân địa phương và khách thập phương không chỉ trong những ngày diễn ra lễ hội mà còn vào những thời điểm khác như ngày sóc vọng, đầu năm âm lịch. Tuy chưa thu hút được nhiều du khách và việc phát huy di tích phục vụ phát triển kinh tế-xã hội địa phương chưa hiệu quả, song nỗ lực của cộng đồng địa phương đã được thể hiện qua việc giữ gìn khá nguyên vẹn môi trường diễn xướng lễ hội cũng như quy trình trình diễn lễ hội. Các điểm di tích, văn hóa cũng như cảnh quan thiên nhiên

của đền Sóc phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng nói chung của cộng đồng cư dân sở tại, còn việc khai thác mạnh ở khía cạnh du lịch tâm linh do chính cộng đồng quản lý và khai thác chưa được đầu tư đúng mức.

*- Đối với nghề gốm làng cổ Phước Tích*

Đây là ngôi làng cổ đã bị “lãng quên” trong một thời gian dài, nay được phát hiện nên thu hút nhiều sự quan tâm, chú ý của các nhà nghiên cứu và các nhà quản lý. Tuy nhiên, các DSVH phi vật thể của làng đang bị mai một. Các lễ hội truyền thống của làng ít được thực hành, một số lễ hội như cúng lò, đua thuyền, kéo co... đã không còn duy trì thường xuyên, một số lễ hội khác thì bị thu hẹp lại.

Thời gian gần đây, cả khi chưa có sự quan tâm của giới nghiên cứu và các cơ quan quản lý, người dân Phước Tích vẫn cố gắng gìn giữ DSVH của làng, không cải tạo, phá dỡ nhà cổ; không bán đồ dùng trong nhà, nhà thờ họ; tự nguyện góp tiền của, công sức để tôn tạo lại các di tích; duy trì và phát triển truyền thống hiếu học, đoàn kết, tương thân tương ái. Các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của người dân tại đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ họ... được tôn trọng. Một số người già trong làng còn bỏ công sức để sưu tầm, biên soạn lịch sử truyền thống văn hóa của làng; một số nghệ nhân cũng tự nguyện góp tiền, gây quỹ nhằm phục dựng nghề gốm cổ truyền của làng. Chính quyền địa phương cũng đã đầu tư kinh phí nhằm khôi phục nghề gốm bằng cách cho nhiều nghệ nhân trẻ tuổi mang theo nguồn đất địa phương đi học công nghệ của các làng gốm sứ Bát Tràng, Chu Đậu, Đông Triều. Nhiều lò nung hiện đại đã được xây dựng và cho ra đời những sản phẩm gốm Phước Tích theo công nghệ mới. Tổ chức JICA (Nhật Bản) cũng viện trợ để thử nghiệm

tái sản xuất các sản phẩm gồm Phước Tích truyền thống với sự hỗ trợ của các nghệ nhân gồm truyền thống Nhật Bản.

Làng gốm Phước Tích được đưa vào tuyến du lịch Thừa Thiên Huế để khai thác du lịch. Tuy nhiên, trên thực tế các hoạt động bảo tồn vẫn chưa gắn bó chặt chẽ với phát triển, những thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên và văn hóa của Phước Tích vẫn chưa được khai thác hiệu quả để trở thành nguồn lực cho phát triển kinh tế-xã hội địa phương và phát triển cộng đồng.

Tác giả đánh giá, việc bảo tàng hóa các DSVH phi vật thể trong cộng đồng tại cả 3 trường hợp nghiên cứu cho đến thời điểm hiện tại nói chung chưa đạt được mục đích bảo vệ môi trường sinh thái nhân văn; chưa phát huy được giá trị DSVH phi vật thể trong phát triển kinh tế-xã hội địa phương; chưa đáp ứng nguyên tắc cân bằng trách nhiệm và lợi ích cộng đồng; chưa đáp ứng tiêu chí về hạ tầng cơ sở và điểm đến du lịch.

*Chương 3: Bảo tàng hóa DSVH phi vật thể trong cộng đồng ở Việt Nam, một số vấn đề đặt ra*

Theo tác giả, trong bối cảnh hiện nay, bảo tàng hóa DSVH phi vật thể trong cộng đồng ở Việt Nam cần đảm bảo hai yếu tố cơ bản, đó là phải có môi trường thực hành và cộng đồng chủ thể văn hóa. Do đó, không phải DSVH phi vật thể nào cũng có thể áp dụng bảo tàng hóa trong cộng đồng, mặt khác, bảo tàng hóa trong cộng đồng cũng không thể phát huy hiệu quả ở tất cả các loại hình DSVH phi vật thể. Những điều kiện cần và đủ để áp dụng mô hình bảo tàng hóa DSVH phi vật thể trong cộng đồng bao gồm: Phải là một lãnh thổ, khu vực với cộng đồng sở hữu DSVH phi vật thể tiêu biểu; “Bảo tàng” được thiết lập trên cơ sở sự tham gia đồng

thuận của cộng đồng; Sự phối hợp giữa chính quyền, cơ quan quản lý văn hóa, các nhà nghiên cứu, cộng đồng chủ thể, khách thể trong việc vận hành “bảo tàng”; Nguồn lực của “bảo tàng” dựa trên cơ sở tài nguyên văn hóa và thiên nhiên tại chỗ, cùng với tri thức, nỗ lực và nguyện vọng của cộng đồng địa phương; Cơ sở hạ tầng phát triển, đáp ứng đủ điều kiện để phát triển du lịch, trở thành điểm đến hấp dẫn để có thể phát huy hiệu quả giá trị DSVH phi vật thể, phục vụ phát triển cộng đồng và phát triển kinh tế-xã hội địa phương.

Mô hình tổng thể để thực hiện bảo tàng hóa DSVH phi vật thể trong cộng đồng ở Việt Nam bao gồm: Cơ sở hạ tầng (không gian văn hóa, công trình kiến trúc, giao thông...); Tổ chức thực hiện (cộng đồng chủ thể và khách thể); Di sản lựa chọn (đối với bảo tàng sinh thái, di sản thiên nhiên và môi trường sinh thái được chú trọng và ưu tiên thể hiện; đối với bảo tàng cộng đồng, yếu tố thiên nhiên được kết hợp với yếu tố xã hội hoặc chỉ thể hiện môi trường xã hội); Phương thức thực hiện (cộng đồng chủ thể lên ý tưởng; chính quyền và bảo tàng địa phương xây dựng quy hoạch; cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa sẽ hỗ trợ về mặt pháp lý và khoa học; khách tham quan tham gia chia sẻ trách nhiệm); Hiệu quả (phải bảo vệ được di sản, đảm bảo quyền của chủ thể văn hóa, phát triển cộng đồng). Theo đó, tác giả đề xuất: Mô hình hiệu quả cho không gian văn hóa công cộng Tây Nguyên là bảo tàng cộng đồng; Mô hình hiệu quả cho hội Gióng là bảo tàng sinh thái; Mô hình hiệu quả cho nghề gốm làng cổ Phước Tích là bảo tàng hóa DSVH làng.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp trường, họp tại Trường Đại học Văn hóa Hà Nội năm 2016.

PHẠM NGUYỄN  
giới thiệu